

Bản án số: 155/2020/HSST

Ngày: 15/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Tú

2. Bà Trần Thanh Vân

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 151/2020/HSST ngày 30/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2020/QĐXXST-HS ngày đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn N; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 21 tháng 4 năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Xóm M, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 12/12; con ông Vũ Văn H và bà Lê Thị H; có vợ là Hoàng Thị H; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn S; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 21 tháng 11 năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Xóm K, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Huyền Tr có 01 con; tiền án, tiền sự: không; không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: chị Trần Thị L, sinh năm 1989, có mặt

Địa chỉ: Phố Gi, thị trấn Gi, huyện Phú Lương, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/11/2019, chị Trần Thị L sử dụng nick zalo là “Bông” nhắn tin với người sử dụng nick zalo “Kiên smart phone”, sau xác định là nick zalo của Vũ Văn N về việc muốn bán điện thoại, N trả giá mua điện thoại, sau đó giữa N và chị L có nhắn tin nói chuyện tình cảm với nhau. Chị L và N hẹn nhau ngày 28/11/2019 sẽ đi nhà nghỉ tại thành phố Thái Nguyên để quan hệ tình dục, sau khi quan hệ tình dục, N sẽ trả cho chị L số tiền 2.000.000 đồng.

Khoảng 8 giờ ngày 28/11/2019, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 20F1- 013.77 từ nhà tại Xóm M, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tới thành phố Thái Nguyên. Khi đi đến thị trấn H, huyện Đại Từ, N dừng lại ăn sáng, uống nước. N nhắn tin nói chuyện với bạn là Nguyễn Văn S về việc đang tới thành phố Thái Nguyên gặp gái bán dâm, tức chị L để quan hệ tình dục, S bảo N cho S đi chơi cùng, N đồng ý. N điều khiển xe mô tô đi tới quán cắt tóc của S ở thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để đợi S cùng đi. Sau đó, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen, BKS: 20F1-323.56 còn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 20F1-013.77 đi tới thành phố Thái Nguyên. Khi đi đến đoạn gần cây đa thuộc phường T, thành phố Thái Nguyên, N và S dừng xe lại. Do N chỉ mang theo 1.500.000 đồng, không đủ 2.000.000 đồng để trả cho chị L như đã thỏa thuận, nên N bàn với S, là N vào nhà nghỉ lấy phòng trước, S lấy một phòng gần đó, sau đó, N đi đón chị L vào phòng để quan hệ tình dục, lúc này, S sẽ lên phòng của N, cầm điện thoại quay cảnh quan hệ tình dục của N và chị L rồi dùng video đã quay được để đe dọa, ép buộc chị L cho cả N và S quan hệ tình dục với chị L mà không phải trả tiền, S đồng ý.

Sau khi bàn bạc xong, N và S vào nhà nghỉ số 666 thuộc tổ 3, phường T, thành phố Thái Nguyên, do bà Chu Thị Kim T, sinh năm 1967, HKTT: Tổ 8, phường Đ, thành phố Thái Nguyên làm chủ, N thuê phòng số 301, S thuê phòng số 201. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, N mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen, BKS: 20F1-323.56 của S đi đón chị L vào nhà nghỉ 666. Khi chị L và N lên phòng 301, cả hai ngồi nói chuyện khoảng 10 phút thì chị L vào nhà tắm để cởi quần áo, còn N đi xuống lễ tân lấy bao cao su và vào phòng 201 bảo với S, khi nào N nhắn tin thì lên. Khi về phòng 301, N thấy chị L đã cởi hết quần áo, N cũng cởi hết quần áo của mình ra và nhắn tin vào máy điện thoại cho S là “lên đi”. S cầm theo điện thoại, bật chế độ quay video, đi lên phòng 301 của N gõ cửa, N ra mở cửa, S đi vào phòng 301 cầm điện thoại quay cảnh chị L và N đều đang không mặc quần áo và nói dối rằng vợ của N thuê S đi theo dõi N. S dọa N và chị L sẽ gửi video vừa quay được cho vợ N, gọi điện thoại cho vợ N tới để đánh ghen, đồng thời sẽ đăng video lên mạng xã hội, N giả vờ xin S đừng làm to chuyện. Chị L lo sợ, khóc và xin S, S bảo với chị L phải cho cả S và N quan hệ tình dục thì sẽ bỏ qua chuyện này và xóa video đi. Do lo sợ bị đánh ghen, đăng video không mặc quần áo lên mạng, chị L đã miễn cưỡng đồng ý cho S và N quan hệ tình dục với mình. Sau khi quan hệ tình dục xong, N mặc quần áo đi về trước, còn S tắm xong thì đi về. N không trả số tiền 2.000.000 đồng như đã hứa trước đó với chị L. Chị L yêu cầu S xóa video thì S nói đã xóa video rồi. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị L tới Công an phường T, thành phố Thái Nguyên để trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 49/TD ngày 28/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với chị Trần Thị L kết luận: Màng trinh đã rách hoàn toàn, vết rách cũ tại vị trí 4h và 9h. Âm đạo có dịch màu trắng đục, trong dịch âm đạo có hình ảnh tinh trùng và xác tinh trùng trên tiêu bản soi tươi.

Tại bản Kết luận giám định số 7228/C09-(TT3+P8) ngày 21/02/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

1. Trong mẫu dịch âm đạo ghi thu của Trần Thị L gửi giám định có tinh trùng của Vũ Văn N.

2. Lưu kiểu gen của Trần Thị L, Nguyễn Văn S và Vũ Văn N tại Viện khoa học hình sự Bộ công an.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Văn N, Nguyễn Văn S đã khai nhận rõ hành vi của mình như nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu N, bên trong có điện thoại di động của Nguyễn Văn S; 01 bì niêm phong ký hiệu S, bên trong có điện thoại di động của Vũ Văn N; 01 bì thư ghi mẫu S1, hoàn lại sau giám định; 01 bì thư ghi mẫu L1, hoàn lại sau giám định; 01 bì thư ghi mẫu L2, hoàn lại sau giám định; 01 bì thư ghi mẫu N1, hoàn lại sau giám định, hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Về trách nhiệm dân sự: Vũ Văn N, Nguyễn Văn S đã bồi thường cho chị Trần Thị L số tiền 12.000.000 đồng, chị L đã nhận tiền, không yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N, S.

Tại bản cáo trạng số 159/CT-VKSTPTN ngày 27/3/2020, VKSND thành phố Thái Nguyên truy tố Vũ Văn N và Nguyễn Văn S về tội “Cưỡng dâm” theo điểm a khoản 2 Điều 143 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên bản cáo trạng số 159/CT-VKSTPTN ngày 27/3/2020, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn N và Nguyễn Văn S phạm tội “Cưỡng dâm”;

- Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 143, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt Vũ Văn N, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo; Trách nhiệm dân sự không xem xét; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động của N và S; tịch thu tiêu hủy vật chứng khác.

Trong phần tranh luận các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, biên bản kiểm tra thu giữ tin nhắn điện thoại, Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 8 giờ ngày 28/11/2019, Vũ Văn N và Nguyễn Văn S đã bàn bạc với nhau thực hiện việc quay Video khi N và chị L không mặc quần áo tại phòng 301 Nhà nghỉ 666, thuộc tổ 3, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, nhằm mục đích đe dọa, khống chế chị L, để cả N và S được quan hệ tình dục với chị L mà không phải trả tiền. Chị L bị N và S đe dọa, do lo sợ bị đăng Video lên mạng xã hội và đang trong lúc không mặc quần áo đã miễn cưỡng chấp nhận cho N và S thực hiện hành vi giao cấu và quan hệ tình dục khác.

[3] Hành vi của Vũ Văn N và Nguyễn Văn S đủ yếu tố cấu thành tội Cường dâm, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 143 Bộ luật hình sự, đó là: “a) nhiều người cưỡng dâm một người”

[4] Bản cáo trạng số 159/CT-VKSTPTN ngày 27/3/2020 VKSND thành phố Thái Nguyên truy tố Vũ Văn N và Nguyễn Văn S theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[5] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của phụ nữ, xâm phạm đến danh dự, phẩm giá con người, gây mất an ninh, trật tự ở địa phương.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho chị L số tiền 12.000.000 đồng, chị L có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, bị cáo Vũ Văn N là người khuyết tật nặng, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo:

[8] Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn N là người khởi xướng việc thực hiện tội phạm, S thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm tích cực.

Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[9] Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thật sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện tội phạm xuất phát từ việc bị cáo N và chị L rủ nhau đi nhà nghỉ tại thành phố Thái Nguyên để quan hệ tình dục, thỏa thuận sau khi quan hệ tình dục xong N sẽ trả cho chị L 2.000.000 đồng, từ đó các bị cáo rủ nhau đi quan hệ tình dục với chị L cho rằng là việc mua dâm, tuy nhiên do không muốn trả tiền và cả hai bị cáo đều được quan hệ tình dục với chị L, dẫn đến các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa chị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xin cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và lời đề nghị của các bị cáo, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cũng đủ khả năng để các bị cáo tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Về Trách nhiệm dân sự:

[10] Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 12.000.000 đồng, tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, nên ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong.

[11] Về vật chứng: cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động của Vũ Văn N và Nguyễn Văn S, tiêu hủy các phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định. Đối với USB lưu trữ hình ảnh video thu giữ tại Nhà nghỉ 666 được lưu trong hồ sơ vụ án, là tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa chứng minh tội phạm nên cần được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 2 Điều 143, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Vũ Văn N 3 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội “Cưỡng dâm”.

Xử phạt Nguyễn Văn S 3 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội “Cưỡng dâm”.

Giao các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn S cho UBND xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Vũ Văn N và Nguyễn Văn S đã bồi thường thiệt hại cho chị Trần Thị L số tiền 12.000.000 đồng, đã thực hiện xong.

3. Về vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 bì niêm phong ký hiệu N, bên trong có điện thoại di động của Nguyễn Văn S; 01 bì niêm phong ký hiệu S, bên trong có điện thoại di động của Vũ Văn N;

3.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư ghi mẫu S1, hoàn lại sau giám định; 01 bì thư ghi mẫu L1, hoàn lại sau giám định; 01 bì thư ghi mẫu L2, hoàn lại sau giám định; 01 bì thư ghi mẫu N1, hoàn lại sau giám định.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 210 ngày 17/3/2020 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: buộc Vũ Văn N, Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quý Sửu